

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Medium

BESTFIT3 S3

BESTFIT3S3

Giày bảo h ộ **Chelsea**

Giày bảo h ộ S3 thoáng khí, mũi thép, đế chống tĩnh điện và đế ngoài PU/PU nhẹ và hấp thụ số ct ui. yệ tv ờ



BLK

CO_2 12.01 kg

Những vật liệu cao cấp hơn	Da nappa siêu nhỏ
ót bên trong i tái chế	lưới
rong Đ ệm chân SJ	Memory Foam
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S3 / SR, SC, LG, FO, CI
Phạm vi kích thước	EU 36-48 / UK 3.5-13.0 / US 4.0-13.5 JPN 22.5-31.5 / KOR 235-315
ng lượng t thép	0.650 kg
ẩn hiêu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024





Mặt **trên** bằng **da thoáng khí** Da tự nhiên thoáng khí các ứng dụng linh hoạt



& nhiên đầu é ngoài có khả năng và nhiên liệu.



Tay nắm bậc **thang (LG)** Đường viền được xác định đặc giày ng đầu để tăng thêm độ an toàn khi đứng trên thang.



mũi chống Đ **mài mòn (SC)** Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng hao mòn vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở rộng giày an toàn



Cách điện lạnh **(CI)** Giày bảo hộ cách nhiệt (CI) đôi chân ng được mặc trong môi



Chống t **(SR)** dây SRA/SRB/SRC. SR có nghĩa là phép thử được thực hiện trên gạch và dầu

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**

lĩnh vự c ô tô, Hoá h ọạch o , Xây dự n g, Thự c uphẩm & Khai thác m ỏ , Dầu khi, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t

r ườ n môi khô, b ề mặt không bằn g phẳn g, môi bùn

Cac hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn phẳ cách nhiệ Không trên lò s

K

Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Da nappa siêu** nh ỏ **cao** cấp h ơn		
Top: khả năng thấm hút ẩm ớ	? 0.8	2.8 ờ mg/cm/g
Top: h nuệ số ẩm ớ	? 15	30.6 mg/cm2
ót bên trong i **tái** th ướ ớ		
L ớp lót: thấm hút ẩm ớ	? 2	86.31 ờ mg/cm/g
lót: h nuệ số ẩm ớ	? 20	691 mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ Memory Foam**		
ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đ **PU / PU**		
Ch ố m trượt (mài mòn) ế ngoài (	? 150	137 mm
Chư ố ợt trơ gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31	0.4 ma sát
r ợt cố ót bản - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.41 ma sát
r ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	0.29 ma sát
Chư ố ợt trơ SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22	0.3 ma sát
ị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	33.6 megaohm
ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A megaohm
Hấp thụ năng l ượ gót chân ủ	? 20	30 J
Đ ứ n g đầ **Thép**		
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A mm
Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A mm
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	15 mm
Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	20.5 mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi, khuyến cáo thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh Dấ **thái:**

Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q
i **CO** **phát** thả	
V ật l iệu	9.73 kg
Bao bì	0.13 kg
ất Sản x u	1.90 kg
Chuyên ch ở	0.26 kg
	12.01 kg CO2/ cặp

Sự **miêu** t ả	ế t K
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế	
Product	7%
Bao bì	99%

Tính toán CO2:

ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.